

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 756 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam đã được Đại hội lần thứ I nhiệm kỳ 2026-2031 thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2026 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Y tế;
- Ủy ban TW MTTQ VN;
- Bộ Công an (C03, PC06);
- Lưu: VT, TCPCP, PTH, TKN (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Chiến Thắng



ĐIỀU LỆ

HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 756/QĐ-BNV ngày 01 tháng 07 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam.
2. Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Association for the Support of Persons with Disabilities.
3. Tên viết tắt: VASPD.
4. Biểu tượng (logo): Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; vận động, huy động, kết nối các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ, chăm sóc, phục hồi chức năng, hỗ trợ tiếp cận giáo dục, dạy nghề, việc làm và sinh kế cho người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hòa nhập cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở chính của Hội

1. Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam là Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Hội có thể đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và pháp luật của nước sở tại.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi cả nước, trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; sự quản lý nhà nước của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật. Hội trực thuộc và là tổ chức thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản;
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch;
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khi Đảng, Nhà nước giao;
4. Không vì mục đích lợi nhuận;
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 6. Quyền của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội; được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động.

3. Đại diện cho hội viên trong các quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Hội và hội viên theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tập hợp, đoàn kết, tổ chức và phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; phổ biến, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật.

6. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, đề tài, dự án, giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; chủ trì hoặc tham gia đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Được giao thực hiện một số hoạt động chuyên môn, dịch vụ công phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, học nghề, truyền nghề, tư vấn, hướng nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế, chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng, khám bệnh, chữa bệnh, phẫu thuật, chỉnh hình, trợ giúp pháp lý và các hoạt động trợ giúp khác cho người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật và phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

8. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước; đặt văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và pháp luật của nước sở tại.

9. Thành lập, quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Hội, tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

10. Tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

11. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội; quan hệ hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân và các cơ chế hợp tác theo quy định của pháp luật.

12. Thu hội phí của hội viên; hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động hợp pháp khác để tự trang trải kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

13. Được tổ chức một số hoạt động kinh tế; tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ, ủng hộ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

14. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, theo quy định của pháp luật.

15. Gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

16. Khen thưởng, kỷ luật; hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

17. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội; tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt, tổ chức hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của hội.

2. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; không hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Phát triển, tập hợp, đoàn kết hội viên trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của Hội.

5. Phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội.

6. Vận động sự ủng hộ bằng tiền, hiện vật và hình thức hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật để trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.

7. Đại diện, bảo vệ, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, các tầng lớp nhân dân, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, động viên, biểu dương, tôn vinh người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người bảo trợ tiêu biểu theo quy định của pháp luật.

9. Hòa giải tranh chấp; giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội, hội viên và tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội; báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

10. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Hội, bao gồm quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; quy chế quản lý hội viên; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; quy chế quản lý, sử dụng con dấu; quy chế khen thưởng, kỷ luật; quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội và các quy chế khác phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

11. Chỉ đạo, quản lý chặt chẽ, trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của tổ chức thuộc Hội, tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội; báo cáo việc thành lập, tổ chức lại, giải thể và hoạt động của các tổ chức này với Bộ Nội vụ, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính Hội hoạt động và cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

12. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ, ủng hộ hợp pháp và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

13. Quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản được giao, các loại quỹ và nguồn thu hợp pháp đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Hội; kinh phí thu được theo quy định phải dành cho hoạt động của Hội, không được chia cho hội viên.

14. Chấp hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê của các cơ quan chức năng; đăng ký mã số thuế, kê khai, nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; hằng năm báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu sự kiểm tra về thu, chi, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội; hồ sơ, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính; biên bản các cuộc họp Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

16. Báo cáo hồ sơ tổ chức Đại hội theo quy định; sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; thay đổi trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Hội phải báo cáo Bộ Nội vụ, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính Hội hoạt động và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

17. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, Hội báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với Bộ Nội vụ, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính Hội hoạt động và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện; đối với nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, Hội thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

18. Đối với nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, Hội xây dựng chương trình, kế hoạch hằng năm, xác định rõ nội dung, số lượng, khối lượng nhiệm vụ và phân ngân sách nhà nước hỗ trợ, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo Hội trước ngày 30 tháng 6 hằng năm theo quy định của pháp luật.

19. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hội vào cơ sở dữ liệu về hội; phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và các quy định pháp luật khác có liên quan.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Đảng, Nhà nước giao và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội. Hội viên đã được công nhận của các hội trước khi hợp nhất và tiếp tục đáp ứng Điều lệ này là hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên liên kết: tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng có đóng góp cho hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hội, có thể được xem xét, công nhận là hội viên liên kết;

c) Hội viên danh dự: tổ chức, công dân Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp đối với sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động, tán thành Điều lệ Hội, được Hội mời hoặc xem xét công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tự nguyện đóng góp công sức, trí tuệ, vật chất, tinh thần, tài chính cho hoạt động của Hội; tán thành Điều lệ Hội; hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội;

b) Hội viên tổ chức: tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoạt động hoặc có đóng góp trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội.

3. Đại diện của hội viên tổ chức là công dân Việt Nam có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức mình

trong quá trình tham gia hoạt động tại Hội. Trường hợp ủy quyền thì người được ủy quyền phải có đủ thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Khi thay đổi người đại diện, hội viên tổ chức phải thông báo bằng văn bản cho Hội chậm nhất trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.
7. Được cấp thẻ hội viên.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.
6. Bàn giao công việc, tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu có liên quan khi không còn tham gia hoạt động tại Hội hoặc khi chấm dứt tư cách hội viên. Hội phí đã đóng không được hoàn lại, trừ trường hợp Ban Chấp hành Hội có quy định khác phù hợp với pháp luật.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Tổ chức, cá nhân có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội thì gửi đơn xin gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định, kèm theo hồ sơ chứng minh tư cách pháp lý hoặc nhân thân theo quy định của Ban Chấp hành Hội;

b) Đối với tổ chức: hồ sơ gồm đơn xin gia nhập Hội; bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc tài liệu pháp lý tương đương; văn bản cử người đại diện tham gia Hội và giấy tờ nhân thân của người đại diện;

c) Đối với cá nhân: hồ sơ gồm đơn xin gia nhập Hội và giấy tờ nhân thân theo quy định của pháp luật;

d) Văn phòng Hội tổng hợp hồ sơ, báo cáo Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định công nhận hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành tại kỳ họp gần nhất.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên có nguyện vọng ra khỏi Hội gửi đơn theo mẫu của Hội đến Ban Thường vụ Hội thông qua Văn phòng Hội;

b) Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội;

c) Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính, hồ sơ, tài liệu mà mình phụ trách, đang thực hiện (nếu có) cho Hội.

3. Chấm dứt tư cách hội viên:

a) Tư cách hội viên chấm dứt trong các trường hợp: hội viên có đơn xin ra khỏi Hội; hội viên cá nhân chết, bị Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc mất tích; hội viên tổ chức bị đình chỉ hoạt động, giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật; hội viên vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Hội, quy chế của Hội; không đóng hội phí trong 01 (một) năm mà không có lý do chính đáng; không tham gia sinh hoạt Hội trong 02 (hai) kỳ liên tiếp mà không có lý do chính đáng;

b) Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định xóa tên hội viên; hội viên bị chấm dứt tư cách hội viên có quyền khiếu nại lên Ban Chấp hành Hội, Đại hội Hội. Quyết định của Đại hội là quyết định cuối cùng;

c) Hội viên bị chấm dứt tư cách hội viên phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính, hồ sơ, tài liệu mà mình phụ trách, đang thực hiện (nếu có) cho Hội.

4. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội và chấm dứt tư cách hội viên phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Tổ chức, công dân Việt Nam đã là hội viên của các hội trước khi hợp nhất và tiếp tục đáp ứng Điều lệ này thì không phải thực hiện lại trình tự, thủ tục kết nạp hội viên theo quy định tại Điều lệ này.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng và các ban chuyên môn của Hội.
6. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.
7. Chi hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị bằng văn bản.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;
- b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử;
- c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;
- d) Thông qua Điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;
- đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành Hội;

g) Bầu Ban Chấp hành Hội;

h) Biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

i) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

k) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành; trường hợp Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định tỷ lệ cao hơn thì áp dụng tỷ lệ cao hơn.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của thành viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Tiêu chuẩn thành viên Ban Chấp hành Hội:

a) Là công dân Việt Nam, có tâm huyết với người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín, có năng lực đóng góp trí tuệ, công sức cho hoạt động của Hội;

c) Có điều kiện về sức khỏe, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để hoàn thành nhiệm vụ;

d) Có nhân thân rõ ràng và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội.

3. Thành viên Ban Chấp hành Hội đương nhiên không còn là thành viên Ban Chấp hành trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn là người đại diện hợp pháp hoặc người được cử đại diện của hội viên tổ chức mà mình đại diện khi tham gia Ban Chấp hành;

b) Hội viên tổ chức mà người đó đại diện bị đình chỉ hoạt động, giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

c) Không còn là hội viên chính thức của Hội;

d) Có đơn xin thôi tham gia Ban Chấp hành và được Ban Chấp hành chấp thuận;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội và các quy chế, quy định nội bộ khác phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Quyết định cơ cấu, số lượng và bầu Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Ban Thường vụ, thành viên Ban Chấp hành, Trưởng ban, Phó Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội, chi hội và các tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và nghị quyết của Ban Chấp hành;

g) Quyết định hình thức khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

5. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 (một) lần, có thể họp chuyên đề hoặc bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số

thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức họp lệ khác theo Quy chế của Ban Chấp hành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội;

d) Xét khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp chuyên đề hoặc bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức họp lệ khác theo Quy chế của Ban Thường vụ.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Ban Chấp hành bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định; nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế, quy định của Hội trong hoạt động của tổ chức thuộc Hội và hội viên;

b) Kiểm tra việc thu, chi tài chính, quản lý, sử dụng tài sản của Hội; xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan đến Hội, hội viên, tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội; tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết những nội dung thuộc thẩm quyền.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Kiểm tra họp thường kỳ mỗi năm 01 (một) lần, họp chuyên đề hoặc bất thường khi có yêu cầu của Trưởng ban hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra đề nghị. Ban Kiểm tra có thể tổ chức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến;

c) Các cuộc họp của Ban Kiểm tra là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra tham gia dự họp. Ban Kiểm tra có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Kiểm tra quyết định;

d) Các quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra dự họp tán thành;

đ) Khi tiến hành kiểm tra, Ban Kiểm tra được mời thêm thành viên thuộc các ban chuyên môn hoặc chuyên gia có liên quan tham dự, phối hợp kiểm tra.

Điều 17. Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện theo pháp luật của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn: chấp hành và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực Hội hoạt động; có quốc tịch Việt Nam; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không có án tích; đáp ứng yêu cầu về độ tuổi, sức khỏe theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Điều kiện: không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 hội; không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ; nhân sự dự kiến Chủ tịch Hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội; chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc được bầu không quá 03 Phó Chủ tịch

chuyên trách; số lượng Phó Chủ tịch không chuyên trách do Hội quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực, uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân; trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội;

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ công tác trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra, xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội; trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy chế của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội là tổ chức chuyên môn, bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội; triển khai các hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội, quy chế của Hội và quy định của pháp luật.

2. Chánh Văn phòng là người đứng đầu Văn phòng Hội, chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, đôn đốc và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, các Phó Chủ tịch Hội về hoạt động của Văn phòng Hội theo phân công.

3. Các ban chuyên môn của Hội là tổ chức chuyên môn trực thuộc Hội, do Trưởng ban đứng đầu, là bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội về các nội dung chuyên môn trong triển khai hoạt động của Hội.

4. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội và các ban chuyên môn theo Điều lệ Hội, nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật.

5. Người làm việc tại Văn phòng Hội, các ban chuyên môn thực hiện theo chế độ hợp đồng hoặc hình thức hợp pháp khác phù hợp với Bộ luật Lao động, pháp luật có liên quan và quy định của Hội.

Điều 19. Tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội

1. Hội được thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội phải được Ban Chấp hành Hội thông qua bằng nghị quyết.

2. Hội chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức và hoạt động của tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc, bảo đảm nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận trong quá trình tổ chức và hoạt động.

3. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm tổ chức triển khai nghị quyết của Ban Chấp hành về việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội, gồm: thực hiện thủ tục, hồ sơ thành lập; ra quyết định thành lập; ban hành quy chế quản lý, quy chế tổ chức và hoạt động; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

4. Người đứng đầu tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội về toàn bộ hoạt động của tổ chức mình phụ trách.

5. Việc tổ chức lại, giải thể; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu và cấp phó của tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Hội và quy chế của Hội.

Điều 20. Chi hội thuộc Hội

1. Chi hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân, không có con dấu, được thành lập ở địa phương, cơ quan, tổ chức, cơ sở hoặc đơn vị có nhiều hội viên để tổ chức sinh hoạt và triển khai hoạt động của Hội.

2. Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật, Điều lệ Hội.

3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể việc thành lập, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, sinh hoạt, nhiệm kỳ và công nhận chi hội trưởng, chi hội phó phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 21. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội Hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan, sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý theo quy định.

Điều 22. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội gồm: phí gia nhập Hội, hội phí hằng năm và đóng góp, ủng hộ của hội viên; thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; tiền, hiện vật ủng hộ, tài trợ, viện trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật; các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội gồm: chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội; chi hoạt động bảo trợ, trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người có hoàn cảnh khó khăn khác; chi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao; chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc; chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội; chi tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng, khen thưởng, biểu dương; các khoản chi hợp pháp khác.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội gồm cơ sở vật chất, trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác được Nhà nước giao, hỗ trợ theo quy định của pháp luật hoặc được mua sắm, hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, được tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, tặng, tài trợ, viện trợ theo quy định của pháp luật;

b) Tài sản của Hội do Hội quản lý, bảo quản, sử dụng hoặc giao cho tổ chức, đơn vị thuộc Hội quản lý, bảo quản, sử dụng để phục vụ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội;

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội; không được chia tài chính, tài sản của Hội cho hội viên dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ Hội. Đối với tài sản công thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

Khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản. Đối với tài sản của Hội là tài sản công, việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công. Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội, việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ Hội;

3. Tổ chức, đơn vị được Hội giao tài sản có trách nhiệm quản lý, bảo quản, khai thác, sử dụng tài sản đúng mục đích, đúng pháp luật; hằng năm kiểm kê và báo cáo Hội theo quy định.

4. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê, kiểm toán, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành; chấp hành các quy định về chứng từ kế toán, hạch toán kế toán, mở sổ kế toán, lưu trữ nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội; lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

6. Hội lập đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tham nhũng, tài trợ khủng bố và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Hội chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin cần thiết cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên và tập thể, cá nhân khác có thành tích xuất sắc, đóng góp thiết thực cho hoạt động của Hội và hoạt động bảo trợ, trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy chế, quy định của Hội thì tùy mức độ vi phạm bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, khai trừ tư cách hội viên hoặc hình thức kỷ luật khác theo quy định của Hội và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội do Đại hội Hội thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.